TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-PT
Ngày: 02 – 02 – 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô

Các Thẩm phán: 1/.Ông Mai Thiện Kế.

2/.Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLPT-HS, ngày 08/01/2018 đối với bị cáo Võ Tuấn K và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Võ Tuấn K, Phan Hoàng H, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Hải Đ, Đoàn Anh P và đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Anh P là bà Nguyễn Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

Các bị cáo kháng cáo:

1. **Võ Tuấn K**, sinh năm 1992, tại thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Cư trú tại khu vực K, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn N (s) và bà Trần Thị Đ (s); vợ và con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày: 24/02/2017; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2**. Nguyễn Ngọc L** (tên khác là D), sinh năm 1983, tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; Cư trú tại ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (c) và bà Huỳnh Thái H (s); vợ và con chưa có; tiền sự: có 01 tiền sự, vào ngày 05 tháng 7 năm 2016, bị Đội trưởng Đội cảnh sát điều tra tội phạm hình sự - kinh tế - ma tuý Công an huyện MT, tỉnh Sóc Trăng ra Quyết đinh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng (đã nộp phạt xong); Tiền án: Vào ngày 08 tháng 5 năm 2009, bị Tòa án nhân dân Quận M, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt vào năm 2011 (xóa án tích); bị bắt tạm giam từ ngày: 06/5/2017; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3**. Nguyễn Hoàng T** (tên khác không) sinh năm 1989, tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; Cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp tài xế; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (s) và bà Phạm Thị K (s); vợ và con chưa có; tiền sự không; tiền án không; bị bắt tạm giam từ ngày: 07/5/2017; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4**. Phan Hoàng H** (tên khác không) sinh năm 1988, tại huyện MT, tỉnh Sóc Trăng; Cư trú tại ấp 2, xã H, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phan Văn R (s) và bà Trần Thị U (s); có vợ Trần Ngọc V (đã ly hôn); tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giam từ ngày: 22/02/2017; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. **Nguyễn Hải Đ** (tên khác không) sinh năm 1997, tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; Cư rú tại ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp buôn bán; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (c) và bà Lê Thị Kim F (s); vợ và con chưa có; tiền sự: có 01 tiền sự, vào ngày 20 tháng 6 năm 2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn trong thời hạn 03 tháng, do nghiện ma túy; tiền án: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2017 cho đến nay; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Đoàn Anh P (tên khác không) sinh ngày 21 tháng 01 năm 2000, tại huyện P, tỉnh Hậu Giang; Cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn O (s) và bà Nguyễn Thị T1 (s); vợ và con chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 17/5/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Anh P: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1974; cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp làm thuê; là mẹ ruột của bị cáo. (có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Anh P: Ông **Võ Tuấn Huân**, Luật sư của Văn phòng luật sư Bạch Sỹ Chất, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt tại phiên tòa)

Bị cáo không kháng cáo, không liên quan kháng cáo Tòa án không triệu tập gồm có: Tống Phước V, Tống Phước T1, Lê Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Tống Phước V, Tống Phước T1, Phan Hoàng H, Võ Tuấn K, Lê Văn B, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T và Đoàn Anh P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2017, Công an huyện MT, tỉnh Sóc Trăng kết hợp với Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sóc Trăng bắt quả tang Tống Phước V, Tống Phước T1 đang bán ma túy cho Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Văn M tại nhà, ấp T1, xã L, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Công an thu giữ trên tay V

số tiền 1.000.000 đồng và 02 bịch nylon bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (niêm phong gói 1). Khám xét nơi ở của V, Công an thu thêm 03 bịch nylon được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (niêm phong gói số 02) và một số đồ vật có liên quan.

Tại Kết luận giám định số 10/GĐMT-PC54 ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận:

- Gói 01: Mẫu tinh thể được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng 0,195 gam, có Methamphetamine.

- Gói 02: Mẫu tinh thể được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng 1,599 gam, có Methamphetamine.

Ngoài ra, khám xét nhà của Phan Hoàng H, ở ấp 2, xã H, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng, Công an thu giữ 03 bịch nylon được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng. Tại Kết luận giám định số 12/GĐMT-PC54 ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Mẫu tinh thể được niêm phong gửi giám định có tổng trọng lượng 0,413 gam có Methamphetamine.

Quá trình điều tra, V khai nhận bắt đầu từ tháng 6 năm 2016 đến khi bị bắt quả tang, V nhiều lần trực tiếp bán ma túy và nhờ Tống Phước T1, Phan Hoàng H, Võ Tuấn K, Lê Văn B, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T và Đoàn Anh P bán ma túy dùm nhiều lần, cụ thể:

* Đối với Lê Văn B:

Vào cuối tháng 11 năm 2016, B giao ma túy cho Nguyễn Văn Hoài T 01 bịch, T trực tiếp trả tiền cho V.

Đến ngày 21 tháng 02 năm 2017, B bán cho Nguyễn Văn M 01 bịch ma túy. M trả tiền cho B 300.000 đồng. Bé nhận tiền, sau đó đưa lại cho V.

* Đối với Phan Hoàng H:

Vào ngày 18 tháng 02 năm 2017, H giao 01 bịch ma túy cho 01 thanh niên tại bến đò Nhà thờ Đ với giá 500.000 đồng và giao cho Nguyễn Hoàng P 01 bịch ma túy, còn giá cả thì P tính với V.

Vào ngày 20 tháng 02 năm 2017, H cùng với Tống Phước T1 giao cho Nguyễn Phương L1 (tên gọi khác là N) 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng tại nhà của V, T1 lấy tiền giao cho H giữ, sau đó H đưa lại cho V. Cũng trong ngày này, H cùng P giao 01 bịch ma túy cho Trần Công Đ với giá 200.000 đồng.

Vào ngày 21 tháng 02 năm 2017, H giao cho Nguyễn Quốc R 01 bịch ma túy với giá 100.000 đồng và giao cho B 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng. Cũng trong ngày này, vào khoảng 20 giờ, B đến nhà H nói V kêu bán cho Nguyễn Văn M 01 bịch ma túy, H đưa ma túy cho B, B đưa lại cho H 300.000 đồng, sau đó H đưa tiền lại cho V.

* Đối với Tống Phước T1:

Vào ngày 18 tháng 02 năm 2017, T1 giao cho P 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng, giao cho Phùng Hùng C 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng.

Trước ngày 18 tháng 02 năm 2017 vài ngày, T1 giao cho N 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng, giao cho Nguyễn Thành Đ 01 bịch ma túy với giá 700.000 đồng, giao ma túy cho Huỳnh Tấn Đ 02 lần, mỗi lần giá 200.000 đồng.

Đến ngày 20 tháng 02 năm 2017, T1 giao cho R 01 bịch ma túy với giá 100.000 đồng, giao cho Hồ V 01 bịch ma túy với giá 300.000 đồng.

* Đối với Võ Tuấn K:

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2017, K lấy ma túy đi giao cho Nguyễn Thanh C với giá 300.000 đồng, K lấy tiền giao lại cho V.

Đến ngày 18 tháng 02 năm 2017, K giao ma túy cho N 01 lần.

Đến ngày 19 tháng 02 năm 2017, K tiếp tục giao cho N 01 bịch ma túy với giá 500.000 đồng.

Cũng trong năm 2017, không nhớ ngày tháng, K giao ma túy cho Ô 03 lần, mỗi lần 01 bịch, với giá 1.000.000 đồng/bịch.

* Đối với Nguyễn Hải Đ:

Vào khoảng 14 giờ một ngày cuối tháng 12 năm 2016, Đ giao ma túy cho Phan Lâm K với giá 300.000 đồng. Đ lấy tiền giao lại cho V.

Khoảng 04 ngày sau, Đ giao ma túy cho Văn Sỹ Kha N tại nhà Phan Lâm K với giá 300.000 đồng. Đ lấy tiền về giao lại cho V.

Tiếp theo, trong tháng 01 năm 2017, Đ giao ma túy cho N 01 lần, giao cho một người tên L 01 lần.

* Đối với Nguyễn Ngọc L:

Vào khoảng 18 giờ một ngày giữa tháng 10 năm 2016, L giao cho Phùng Hùng C 01 bịch ma túy tại bến đò của P đầu bò (phía xã L, huyện MT).

Sau đó khoảng 02 ngày, hơn 19 giờ, L tiếp tục giao ma túy cho C tại nhà V, số lượng ma túy L không biết, vì V để trong gói thuốc, C trả tiền trực tiếp cho V, L không biết cụ thể bao nhiêu.

Tiếp đến vào một ngày cuối tháng 10 năm 2016, vào khoảng hơn 20 giờ, L lấy ma túy để trong gói thuốc giao cho Hải Đ tại nhà V. Đ trả tiền trực tiếp cho V với giá 350.000 đồng.

Một ngày sau, khoảng 16 giờ, L giao cho Hải Đ 01 bịch ma túy tại khu vực gần bến đò P đầu bò (phía thuộc xã L, huyện MT) với giá 200.000 đồng. L lấy tiền về giao lại cho V.

Sau đó khoảng 02 ngày, vào khoảng 17 giờ, L giao ma túy để trong gói thuốc cho Nguyễn Hữu L1 tại nhà V. L1 đưa cho L 300.000 đồng, sau đó L đưa tiền lại cho V. Khoảng 30 phút sau, L tiếp tục giao cho L1 01 bịch ma túy loại giá 500.000 đồng, L1 trả tiền trực tiếp cho V.

* Đối với Nguyễn Hoàng T:

Vào khoảng giữa tháng 06 năm 2016, T giao cho B 01 bịch ma túy tại quán, ở ấp T, xã L, huyện MT, còn tiền thì B tự tính với V.

Đến khoảng giữa tháng 7 năm 2016, T giao cho Lợi 01 bịch ma túy tại nhà của L1, còn tiền thì L1 cũng tự tính với V.

Đến khoảng giữa tháng 9 năm 2016, T giao ma túy cho P, ở Hậu Bối theo lời dặn của V, giao tại nhà V.

Đến một ngày giữa tháng 11 năm 2016, khoảng 12 giờ, T giao cho Trần Văn S 01 bịch ma túy tại nhà V với giá 200.000 đồng. S trả tiền cho T, T đưa lại cho V.

Đến một ngày đầu tháng 02 năm 2017, khoảng 14 giờ, T giao cho N 01 bịch ma túy tại cầu vượt thuộc ấp MK, xã L, huyện MT. N đưa cho T 300.000 đồng, T đem về giao lại cho V.

Ngoài ra, có lần T đang ở nhà V thì có 02 thanh niên đến hỏi mua ma túy, trong đó có người tên A gà (tức Nguyễn Chí A). V thấy lạ mặt nên không bán. Khi hai thanh niên đó bỏ đi, V có điện thoại cho người nào thì T không biết để xác nhận mối quan hệ giữa hai thanh niên với người mà V điện thoại. Sau đó, V lấy ma túy bỏ vào gói thuốc rồi quăng ra sân, dặn T chỉ chỗ cho hai thanh niên đó đến lấy. Khi hai thanh niên đó quay lại, T chỉ chỗ. Một trong hai thanh niên lấy gói thuốc có đựng ma túy và đưa cho T 300.000 đồng. T lấy đem vào nhà đưa lại cho V.

* Đối với Đoàn Anh P:

Vào một ngày cuối tháng 12 năm 2016, P giao cho R 01 bịch ma túy tại bến đò hãng nước đá phía bên xã L, huyện MT, R đưa cho P 300.000 đồng, P đem tiền về giao lại cho V.

Khoảng 02 ngày sau, khoảng 18 giờ, P giao cho R 01 bịch ma túy tại nhà V, R đưa cho P 300.000 đồng, P nhận tiền và sau đó giao lại cho V.

Vào khoảng 17 giờ ngày 17 hoặc 18 tháng 02 năm 2017, P nhớ không chính xác, P đi qua nhà V thì gặp K, K rủ P đi giao ma túy cho T, ở A thì P đồng ý. K dùng xe Raider của B chở P đến bến đò hãng nước đá phía xã L huyện MT, P giao ma túy cho T, T đưa cho K 200.000 đồng, giao ma túy xong, K chở P về nhà V.

Trước đó 02 ngày, vào khoảng 18 giờ, P ở nhà V thì K rủ P đi giao ma Túy. K dùng xe Raider của B chở P đến khu vực gần bến đò hãng nước đá phía xã L giao ma túy cho C. C đưa cho K 300.000 đồng, giao ma túy xong, K chở P về nhà V.

Trước lần trên khoảng 05 ngày, khoảng 20 giờ, P đi giao ma túy cho Nguyễn Hoàng S tại giữa cầu S đưa cho P 200.000 đồng, P nhận tiền đem về giao lại cho V.

Trước lần trên khoảng 01 tuần nữa, hơn 17 giờ, P ở nhà V, V rủ P đi giao ma Túy thì P đồng ý. V dùng xe Raider của B chở P đến khu vực gần cây xăng H bán ma Túy cho L2, L2 đưa tiền cho P, sau đó P giao tiền lại cho V. Bán xong, V chở P về nhà V.

Lần gần đây nhất, khoảng 19 giờ ngày 21 tháng 02 năm 2017, P đang ở nhà V thì K kêu P đi giao ma túy cho L3. P chạy xe Raider của B qua nhà L3 giao ma túy cho L3. L3 hỏi P: "Ông V kêu đưa cái 200.000 đồng phải không? (tức là bịch ma Túy 200.000 đồng). P trả lời: "Chú V điện cho anh K, anh K kêu con giao cho chú nhiêu đó con không biết, anh K dặn không lấy tiền". Giao xong, P trở về nhà V.

Trong quá trình điều tra:

- V cùng với Tống Phước T1, H, K, B, Đ, L, Nguyễn Hoàng T và P đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã giao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waveanpha màu xanh đen, biển số 61L7-xxxx cho chủ sở hữu là ông Phan Văn R. Các vật chứng và đồ vật đã thu giữ còn lại chưa xử lý.

Tại bản án số 15/2017/HS-ST, ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Tống Phước V, Tống Phước T1, Phan Hoàng H, Võ Tuấn K, Lê Văn B, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T và Đoàn Anh P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma Túy".

1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 50 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tống Phước V: 12 năm tù (Mười hai năm tù); cộng với 01 năm 03 tháng tù (một năm ba tháng tù), về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản", theo bản án số 23/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang; tổng hợp: 13 năm 03 tháng tù (mười ba năm ba tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 22/02/2017.

1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tống Phước T1: 08 năm tù (tám năm tù). Thời gian phạt tù tính từ ngày: 22/02/2017.

1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L (tên khác D): 07 năm 06 tháng tù (bảy năm sáu tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 06/5/2017.

1.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Tuấn K: 07 năm 06 tháng tù (bảy năm sáu tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 24/02/2017.

1.5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phan Hoàng H: 07 năm tù (bảy năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 22/02/2017.

1.6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T: 07 năm tù (bảy năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 07/5/2017.

1.7. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ: 07 năm tù (bảy năm tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 06/5/2017.

1.8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 69; khoản 1 Điều 74 và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Anh P: 04 năm 06 tháng tù (bốn năm sáu tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án.

1.9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn B: 04 năm 06 tháng tù (bốn năm sáu tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày: 27/02/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2017, bị cáo Võ Tuấn K, Phan Hoàng H, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 14/12/2017, bị cáo Đoàn Anh P và đại diện hợp pháp bị cáo P là bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo của đại diện hợp P cho bị cáo và áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luật tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo P, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo P.

NH ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Xét về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Võ Tuấn K, Phan Hoàng H, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T được Nhà tạm giữ xác nhận vào ngày 07/12/2017; đơn kháng cáo của bị cáo Đoàn Anh P và đại diện hợp pháp bị cáo P là bà Nguyễn Thị T1 được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện MT vào ngày 14/12/2017, theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự thì việc kháng cáo của các bị cáo và đại diện hợp P bị cáo P là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma Túy" theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và không oan cho các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Tuấn K: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo đã khai báo đầy đủ, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, tự thú các lần bán ma túy và có nhân thân tốt quy định tại điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Ngoài ra, bị cáo cho rằng bị cáo không xúi giục hay ép buộc bị cáo P đi giao ma túy. Xét thấy, bị cáo biết bị cáo P chưa đủ 18 tuổi và vào tháng 02/2017 bị cáo rủ rê bị cáo P đi bán ma túy, chính bị cáo là người dùng xe chở bị cáo P đi giao ma túy cho người mua .Vì vậy, cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng là xúi dục người chưa thành niên phạm tội là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới để được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự đề nghị của kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo và giữ nguyên quyết định về hình phạt của cấp sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc L. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo đã tự thú các lần bán ma túy trước đó được quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là chính xác là phù hợp quy định pháp luật. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình có công cách mạng. Theo quy định của pháp luật thì gia đình bị cáo có công với cách mạng thì không có quy định là tình tiết giảm nhẹ và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ nào mới để hội đồng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Hoàng H. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo và tự thú các lần bán ma túy trước đó và có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự quy định tại điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật.

Ngoài ra, bị cáo cho rằng gia đình có công cách mạng, bị cáo là lao động chính. Xét thấy, bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng không phải là lao đông chính duy nhất; đối với tình tiết bị cáo có ông bà ngoại là thương binh và cấp sơ thẩm không xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp với pháp luật vì luật không quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Do vậy ,Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hoàng T. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi phạm tội của mình và tự thú các lần bán ma túy trước đó và có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự được quy định tại điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo cho rằng thời điểm bị cáo V bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị cáo tự nguyện đi cai nghiện không còn tham gia cùng với

V. Xét thấy, việc bị cáo đi cai nghiện không liên quan đến hành vi phạm tội trước đó của bị cáo và bị cáo cho rằng có bà nội là người có công cách mạng không được cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy, cấp sơ thẩm không xem các lý do bị cáo nêu ra là chính xác là phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp cho cấp phúc thẩm các tình tiết giảm nhẹ nào mới để giảm nhẹ cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[7] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hải Đ. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi phạm tội của mình và tự thú các lần bán ma Túy trước đó quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo cho rằng là gia đình có công cách mạng, bị cáo là lao động chính. Xét thấy, bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình bị cáo có công cách mạng, việc bị cáo cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình nhưng không phải là lao động chính duy nhất. Do vậy,Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[8] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Anh P và đại diện hợp pháp của bị cáo P. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo đã thật thà khai báo về hành vi phạm tội của mình, tự thú các lần bán ma túy trước đó và có nhân thân tốt, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội quy định tại điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là chính xác là phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo P cung cấp tình tiết mới là ông nội bị cáo là người có công cách mạng, nhưng tại khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 điều 51 bộ luật hình sư năm 2015 không có quy định ông bà của bị cáo có công được xem xét giảm nhẹ. Do vậy, tình tiết giảm nhẹ này của đại diện hợp pháp bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đưa ra không được hội đồng xét xử chấp nhận. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận sự đề nghị củả Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo của bị của bị cáo, đại diện hơp pháp của bị cáo và đề nghị của của người bào chữa cho bị cáo P.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt của bị cáo từ điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự sang khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự. Xét thấy, Cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo P với trò đồng phạm của bị cáo V. Do vậy, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo không không có căn cứ chấp nhận.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo và đại diện hợp pháp cho bị cáo P phải chịu theo quy định của pháp luật vì đơn kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nH kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Tuấn K, Phan Hoàng H, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Hoàng T, Đoàn Anh P và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P của người đại diện hợp P bị cáo P là bà Nguyễn Thị T1.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm n khoản 1 Điều 48; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Tuấn K: **07 năm 06 tháng tù** (Bảy năm sáu tháng tù) về tội "Mua bán trái phép chất ma Túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 24 tháng 02 năm 2017.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L: **07 năm 06 tháng tù** (Bảy năm sáu tháng tù) về tội "Mua bán trái phép chất ma Túy".Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2017.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác không): **07 năm tù** (Bảy năm tù) về tội "Mua bán trái phép chất ma Túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2017.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng H (tên gọi khác không): **07 năm tù** (Bảy năm tù) về tội "Mua bán trái phép chất ma Túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2017.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Đ (tên gọi khác không): **07 năm tù** (Bảy năm tù) về tội "Mua bán trái phép chất ma Túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2017.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điều 69; khoản 1 Điều 74 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đoàn Anh P (tên gọi khác không): **04 năm 06 tháng tù** (Bốn năm sáu tháng tù) về tội "Mua bán trái phép chất ma Túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: mỗi bị cáo phải chịu là 200.000đ. Đại diện hợp pháp bị cáo P là bà Nguyễn Thị T1 phải chịu là 200.000đ.

Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nH:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện MT;
- VKSND huyện MT;
- CQĐT - Công an huyện MT;
- Chi cục THADS huyện MT;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo; Trại tạm giam
- PKTNVVTHA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư P;
- Lưu hs, THS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Ngô